

SURVEY ON THE SATISFACTION OF GRADUATES WITH THE HEALTH COACH CERTIFICATION TRAINING PROGRAM AT HAI DUONG CENTRAL COLLEGE OF PHARMACY IN 2024

Nguyen Thi Yen*

Hai Duong Central College of Pharmacy - 324 Nguyen Luong Bang, Le Thanh Nghi Ward, Hai Phong City, Vietnam

Received: 13/09/2025

Revised: 04/10/2025; Accepted: 09/10/2025

ABSTRACT

Objective: To describe the satisfaction level of graduates regarding the health coach certificate training Program at Hai Duong Central College of Pharmacy in 2024.

Methods: A cross-sectional descriptive study was conducted among 218 graduates from cohorts 1 to 10. A structured questionnaire with 19 criteria in three domains (training program, lecturers, support process) and two overall satisfaction items was used, based on a 5-point Likert scale. Data were analyzed using SPSS 27.0, with descriptive statistics and Cronbach's Alpha reliability testing.

Results: 58.3% of graduates are practicing as health coaches; 86.6% earn less than 10 million VND/month. The overall satisfaction mean score was 3.78 ± 0.76 points. The "lecturer" domain scored highest (4.06-4.17 points), followed by "support process" (3.65-4.00 points) and "training program" (3.65-3.88 points). The highest-rated criterion was "lecturers' enthusiasm and dedication" (4.16 ± 0.65 points). Items with high "neutral" responses included "post-graduation support" and "online learning tools".

Conclusion: Graduates are generally satisfied with the program, especially in terms of lecturer quality and applicability. Improvements are needed in content updating, post-graduation support, and diversification of training fields.

Keywords: Health coach, learner satisfaction, certificate training, vocational medical education.

*Corresponding author

Email: phiyen275@gmail.com **Phone:** (+84) 965074855 **Https://doi.org/10.52163/yhc.v66iCD18.3489**

KHẢO SÁT SỰ HÀI LÒNG CỦA HỌC VIÊN ĐÃ TỐT NGHIỆP VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CẤP CHỨNG CHỈ HUẤN LUYỆN VIÊN SỨC KHỎE TẠI TRƯỜNG CAO ĐẲNG DƯỢC TRUNG ƯƠNG HẢI DƯƠNG NĂM 2024

Nguyễn Thị Yến*

Trường Cao đẳng Dược Trung ương Hải Dương - 324 Nguyễn Lương Bằng, P. Lê Thanh Nghị, Tp. Hải Phòng, Việt Nam

Ngày nhận: 13/09/2025

Ngày sửa: 04/10/2025; Ngày đăng: 09/10/2025

ABSTRACT

Mục tiêu: Mô tả mức độ hài lòng của học viên đã tốt nghiệp Chương trình đào tạo cấp chứng chỉ huấn luyện viên sức khỏe tại Trường Cao đẳng Dược Trung ương Hải Dương năm 2024.

Phương pháp nghiên cứu: Nghiên cứu mô tả cắt ngang, thực hiện với 218 học viên trong số 504 học viên đã tốt nghiệp từ khóa 1 đến khóa 10. Bộ câu hỏi gồm 19 tiêu chí thuộc 3 nhóm yếu tố (chương trình đào tạo, đội ngũ giảng viên, quy trình hỗ trợ) và 2 tiêu chí đánh giá hài lòng chung, sử dụng thang đo Likert 5 điểm. Phân tích dữ liệu bằng phần mềm SPSS 27.0, thống kê mô tả và kiểm định độ tin cậy Cronbach's Alpha.

Kết quả: 58,3% học viên đang hành nghề huấn luyện viên sức khỏe; 86,6% có thu nhập dưới 10 triệu đồng/tháng. Mức độ hài lòng chung đạt trung bình $3,78 \pm 0,76$ điểm. Nhóm “đội ngũ giảng viên” có điểm trung bình cao nhất (4,06-4,17 điểm), tiếp theo là “quy trình hỗ trợ” (3,65-4,00 điểm) và “chương trình đào tạo” (3,65-3,88 điểm). Tiêu chí được đánh giá cao nhất là “giảng viên nhiệt tình, tận tâm” ($4,16 \pm 0,65$ điểm). Một số tiêu chí có tỷ lệ “phân vân” cao gồm “hỗ trợ sau tốt nghiệp” và “công cụ học tập trực tuyến”.

Kết luận: Học viên nhìn chung hài lòng với chương trình, đặc biệt là về chất lượng giảng viên và tính ứng dụng. Cần cải thiện nội dung cập nhật, tăng cường hỗ trợ sau tốt nghiệp và đa dạng hóa lĩnh vực đào tạo.

Từ khóa: Huấn luyện viên sức khỏe, hài lòng học viên, đào tạo chứng chỉ, giáo dục nghề nghiệp y tế.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong bối cảnh tỷ lệ bệnh không lây nhiễm ngày càng gia tăng và nhận thức của người dân về chăm sóc sức khỏe chủ động được nâng cao, vai trò của huấn luyện viên sức khỏe (health coach) ngày càng quan trọng. Đây là lực lượng hỗ trợ cá nhân thay đổi hành vi, duy trì lối sống lành mạnh và phòng ngừa bệnh tật, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống và giảm gánh nặng y tế cho xã hội. Tại Việt Nam, định hướng phát triển nguồn nhân lực y tế mới như huấn luyện viên sức khỏe đã được thể hiện rõ trong Chiến lược quốc gia về bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân giai đoạn 2021-2030 [1].

Từ tháng 3/2023, Trường Cao đẳng Dược Trung ương Hải Dương phối hợp cùng Công ty Cổ phần Học viện Health Coach Việt Nam triển khai Chương trình đào tạo cấp chứng chỉ huấn luyện viên sức khỏe - mô

hình tiên phong còn mới tại Việt Nam, chú trọng tính ứng dụng, kết hợp lý thuyết và thực hành. Tính đến tháng 10/2024, đã có hơn 500 học viên tốt nghiệp.

Các nghiên cứu trong và ngoài nước cho thấy sự hài lòng của người học phụ thuộc vào nhiều yếu tố như nội dung chương trình, phương pháp giảng dạy, đội ngũ giảng viên, cơ sở vật chất và hỗ trợ học tập [2]. Đặc biệt, với các chương trình đào tạo ngắn hạn và hướng nghiệp như huấn luyện viên sức khỏe, tính thực tiễn, tính cập nhật và hỗ trợ sau đào tạo có ảnh hưởng lớn đến chất lượng cảm nhận.

Do đó, việc khảo sát sự hài lòng của học viên sau tốt nghiệp là cần thiết, vừa giúp cải tiến chương trình, vừa khẳng định uy tín của nhà trường, tạo tiền đề mở rộng quy mô và phát triển theo hướng chính quy, dài hạn.

*Tác giả liên hệ

Email: phiyen275@gmail.com Điện thoại: (+84) 965074855 <https://doi.org/10.52163/yhc.v66iCD18.3489>

Chúng tôi thực hiện nghiên cứu này nhằm mô tả mức độ hài lòng của học viên đã tốt nghiệp Chương trình đào tạo cấp chứng chỉ huấn luyện viên sức khỏe tại Trường Cao đẳng Dược Trung ương Hải Dương năm 2024.

2. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Thiết kế nghiên cứu

Nghiên cứu mô tả cắt ngang.

2.2. Thời gian và địa điểm nghiên cứu

Nghiên cứu được thực hiện trong khoảng thời gian từ tháng 10/2024 đến tháng 5/2025 tại Trường Cao đẳng Dược Trung ương Hải Dương.

2.3. Đối tượng nghiên cứu

Học viên đã tốt nghiệp Chương trình đào tạo cấp chứng chỉ huấn luyện viên sức khỏe tại Trường Cao đẳng Dược Trung ương Hải Dương trong giai đoạn từ khóa 1 đến khóa 10 đồng ý tham gia nghiên cứu.

Tiêu chuẩn loại trừ: học viên từ chối tham gia nghiên cứu.

2.4. Mẫu nghiên cứu

- Cỡ mẫu tối thiểu được tính theo công thức:

$$N = \frac{Z^2 \times p^2}{d^2} = \frac{1,96^2 \times 0,5^2}{0,05^2} = 384$$

Trong đó: N là cỡ mẫu tối thiểu; Z = 1,96 tương ứng với độ tin cậy đề tài lựa chọn là 95%; p là ước tính tỷ lệ cựu học viên không hài lòng với hoạt động đào tạo tại trường, lấy p = 0,5 để cỡ mẫu là tối đa; d là khoảng sai lệch cho phép giữa sai số mẫu và sai số quần thể (d = ± 5%) [3].

Tổng thể nghiên cứu gồm 504 học viên đã tốt nghiệp 10 khóa Chương trình đào tạo huấn luyện viên sức khỏe. Từ quần thể hữu hạn cỡ mẫu nghiên cứu được xác định:

$$N = \frac{n_i \times N}{n_i + N} = 218$$

Trong đó: N là kích thước của quần thể hữu hạn (N = 504); n là cỡ mẫu nghiên cứu tối thiểu cần thiết sẽ được rút ra từ quần thể này; n_i = 384 [3].

- Phương pháp chọn mẫu: nghiên cứu được thực hiện trên 10 khóa học viên đã tốt nghiệp Chương trình đào tạo cấp chứng chỉ huấn luyện viên sức khỏe tại Trường Cao đẳng Dược Trung ương Hải Dương, để đảm bảo cỡ mẫu mỗi khóa khảo sát 22 học viên.

Học viên được lựa chọn theo phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên có hệ thống dựa trên danh sách học

viên đã tốt nghiệp Chương trình đào tạo chứng chỉ huấn luyện viên sức khỏe được cung cấp từ Trường Cao đẳng Dược Trung ương Hải Dương.

Khoảng cách mẫu được tính theo công thức: K = [504/218] = 2.

Học viên đầu tiên được lựa chọn để khảo sát là học viên có số thứ tự 1 trong danh sách mỗi khóa, các học viên tiếp theo sẽ có số thứ tự là 3, 5, 7... Việc lựa chọn đối tượng tham gia khảo sát được thực hiện theo danh sách đến khi đủ cỡ mẫu nghiên cứu.

2.5. Phương pháp thu thập số liệu

Bộ câu hỏi tự điền gồm 19 tiêu chí thuộc 3 nhóm yếu tố và 2 tiêu chí hài lòng chung, thang đo Likert 5 mức (1: Hoàn toàn không đồng ý đến 5: Hoàn toàn đồng ý).

2.6. Xử lý và phân tích số liệu

Sử dụng phần mềm SPSS 27.0 để thống kê mô tả và kiểm định độ tin cậy Cronbach's Alpha.

2.7. Đạo đức nghiên cứu

Đối tượng tham gia nghiên cứu được giải thích rõ về mục đích nghiên cứu, được giải đáp thắc mắc và chỉ tiến hành khảo sát với sự xác nhận đồng ý tham gia. Mọi thông tin cá nhân được bảo mật và chỉ dùng cho mục đích nghiên cứu.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Đặc điểm của đối tượng tham gia nghiên cứu

Bảng 1. Đặc điểm nhân khẩu học của học viên (n = 218)

Đặc điểm		Tần số (n)	Tỉ lệ (%)
Giới tính	Nam	56	24,1
	Nữ	162	75,9
Trình độ học vấn	Trung học phổ thông	15	7,1
	Trung cấp/cao đẳng	26	11,9
	Trình độ đại học	130	59,5
	Sau đại học	47	21,4

Trong số 218 học viên, nữ giới chiếm đa số (75,9%), nam giới chiếm 24,1%. Phần lớn học viên có trình độ đại học trở lên (80,9%), chỉ 19,1% có trình độ cao đẳng hoặc trung cấp.

3.2. Thực trạng hành nghề sau tốt nghiệp

Bảng 2. Thực trạng hành nghề của học viên sau tốt nghiệp

Đặc điểm		Tần số (n)	Tỉ lệ (%)
Thực trạng hành nghề huấn luyện viên sức khỏe	Đang làm nghề huấn luyện viên sức khỏe	128	58,3
	Không làm nghề huấn luyện viên sức khỏe	90	41,7
Mức thu nhập	≤ 5 triệu đồng/tháng	84	65,4
	Từ 5-10 triệu đồng/tháng	27	21,2
	Từ 10-20 triệu đồng/tháng	10	7,7
	≥ 20 triệu đồng/tháng	7	5,8

Đặc điểm		Tần số (n)	Tỉ lệ (%)
Lĩnh vực hành nghề huấn luyện viên sức khỏe	Quản lý cân nặng	41	45,6
	Thải độc/Detox	26	29,4
	Bệnh chuyển hóa	45	50,0
	Mẹ và bé	9	10,3
	Tâm thức	9	10,3
	Lĩnh vực khác	32	35,3

Có 58,3% học viên đang hành nghề huấn luyện viên sức khỏe, trong đó đa số làm việc bán thời gian. Thu nhập của nhóm này chủ yếu ở mức dưới 10 triệu đồng/tháng (86,6%); chỉ 5,8% đạt từ 20 triệu đồng trở lên.

Về lĩnh vực hoạt động, các mảng phổ biến nhất là bệnh chuyển hóa (50%) và quản lý cân nặng (45,6%), tiếp đến là thải độc (29,4%), mẹ và bé (10,3%) và tâm thức (10,3%).

3.3. Mức độ hài lòng đối với chương trình đào tạo

Bảng 3. Mức độ hài lòng của học viên về chương trình đào tạo (H1: Chương trình đào tạo)

Tên biến	Khái niệm	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Tỉ lệ (%)				
				(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
CT1	Mục tiêu đào tạo rõ ràng và phù hợp với yêu cầu công việc	3,82	0,81	1,2	4,8	21,7	55,4	16,9
CT2	Trình tự các môn học sắp xếp hợp lý	3,84	0,81	1,2	4,8	21,7	55,4	16,9
CT3	Khối lượng kiến thức phù hợp so với thời gian học tập	3,65	0,90	2,4	7,2	27,7	48,2	14,5
CT4	Tỷ lệ phân bố giữa lý thuyết và thực hành hợp lý	3,66	0,84	1,2	7,2	28,9	49,4	13,3
CT5	Nội dung chương trình được cập nhật, đổi mới theo nhu cầu xã hội	3,75	0,80	2,4	3,6	22,9	59,0	12,0
CT6	Kiểm tra, đánh giá phù hợp với nội dung môn học	3,88	0,68	0,0	3,6	19,3	62,7	14,5

Nhóm “chương trình đào tạo” có điểm trung bình dao động từ 3,65-3,88. Tiêu chí “Kiểm tra, đánh giá phù hợp” được đánh giá cao nhất ($3,88 \pm 0,68$ điểm), tiếp theo là “Nội dung đáp ứng nhu cầu học viên” ($3,83 \pm 0,77$ điểm). Tiêu chí “Phân bố giữa lý thuyết và thực hành” có tỷ lệ không hài lòng cao nhất (7,2%).

3.4. Mức độ hài lòng đối với chương trình đào tạo

Bảng 4. Điểm trung bình các tiêu chí thuộc nhóm giảng viên (H2: Đội ngũ giảng viên)

Tên biến	Khái niệm	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Tỉ lệ (%)				
				(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
GV1	Kiến thức chuyên môn sâu rộng, cập nhật	4,12	0,75	1,2	1,2	12,0	55,4	30,1
GV2	Nhiệt tình, tận tâm, sẵn sàng giúp đỡ học viên	4,16	0,65	0	1,2	10,8	59,0	28,9
GV3	Đảm bảo giờ lên lớp và thực hiện đúng nội dung và kế hoạch giảng dạy	4,06	0,67	0	2,4	12,2	62,2	23,2
GV4	Kết hợp giáo dục nhân cách, đạo đức nghề nghiệp cho học viên	4,17	0,69	1,2	0	9,6	59,0	30,1

Nhóm giảng viên đạt điểm trung bình cao nhất trong 3 nhóm yếu tố khảo sát, dao động từ 4,06-4,17 điểm. Tiêu chí “Kết hợp giáo dục đạo đức nghề nghiệp” được đánh giá cao nhất ($4,17 \pm 0,69$ điểm), kế đến là “Nhiệt tình, tận tâm, sẵn sàng giúp đỡ học viên” ($4,16 \pm 0,65$ điểm). Trên 82% học viên hài lòng hoặc rất hài lòng với từng tiêu chí.

3.5. Mức độ hài lòng đối với chương trình đào tạo

Bảng 5. Điểm trung bình các tiêu chí nhóm quy trình hỗ trợ (H3: Quy trình, hoạt động hỗ trợ người học)

Tên biến	Khái niệm	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Tỉ lệ (%)				
				(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
QT1	Thủ tục hành chính đơn giản, tạo thuận lợi cho học viên	3,88	0,77	0,0	6,0	18,1	57,8	18,1
QT2	Cán bộ, nhân viên văn phòng hỗ trợ nhanh chóng, thái độ đúng mực, tôn trọng học viên	3,83	0,83	1,2	6,0	19,3	55,4	18,1
QT3	Kiến thức, kỹ năng từ khóa học có thể áp dụng vào thực tiễn công việc	3,86	0,73	0,0	4,8	20,5	59,0	15,7
QT4	Nhận được hỗ trợ đầy đủ sau khi tốt nghiệp	3,65	0,83	1,2	8,4	25,3	54,2	10,8
QT5	Các công cụ học tập trực tuyến hỗ trợ anh/chị hiệu quả trong quá trình học	3,75	0,73	0,0	4,8	27,7	55,4	12,0
QT6	Sự phối hợp hoạt động giữa Trường Cao đẳng Dược Trung ương Hải Dương và Công ty Cổ phần Học viện Health Coach Việt Nam tạo điều kiện thuận lợi cho học viên	3,98	0,76	1,2	3,7	12,2	62,2	20,7

Nhóm quy trình hỗ trợ có điểm trung bình từ 3,65-4,00. Tiêu chí “Sự phối hợp giữa các đơn vị đào tạo tạo điều kiện thuận lợi” được đánh giá cao nhất ($3,98 \pm 0,76$ điểm). Tuy nhiên, các tiêu chí “Hỗ trợ sau tốt nghiệp” và “Công cụ học tập trực tuyến” có tỷ lệ ý kiến ở mức “bình thường” cao (25-27%).

3.6. Mức độ hài lòng đối với chương trình đào tạo

Bảng 6. Tỷ lệ mức độ hài lòng chung (H4: Đánh giá chung)

Tên biến	Khái niệm	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Tỉ lệ (%)				
				(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
HL1	Mức độ hài lòng với toàn khóa đào tạo	3,78	0,76	0,0	6,0	24,1	55,4	14,5
HL2	Khóa học giúp học viên tự tin hơn khi chia sẻ, tư vấn sức khỏe cho khách hàng	3,83	0,77	0,0	4,8	25,3	51,8	18,1

Điểm trung bình hài lòng chung đạt $3,78 \pm 0,76$; 69,9% học viên hài lòng hoặc rất hài lòng. Tiêu chí “Khóa học giúp học viên tự tin hơn khi tư vấn sức khỏe” đạt $3,83 \pm 0,77$ điểm.

Về học phí, 57,14% học viên cho rằng mức học phí hiện tại phù hợp, 41,67% đánh giá là cao. Có 73,81% học viên sẵn sàng giới thiệu khóa học cho người khác và 51,19% có ý định học tiếp các chương trình nâng cấp.

4. BÀN LUẬN

Kết quả khảo sát cho thấy học viên nhìn chung hài lòng với Chương trình đào tạo cấp chứng chỉ huấn luyện viên sức khỏe, với điểm trung bình chung $3,78 \pm 0,76$. Nhóm yếu tố “đội ngũ giảng viên” được đánh giá cao nhất (4,06-4,17 điểm), đặc biệt là tiêu chí “kết hợp giáo dục đạo đức nghề nghiệp” và “giảng viên nhiệt tình, tận tâm” (trên 4,16 điểm). Điều này khẳng định vai trò then chốt của giảng viên trong việc nâng cao trải nghiệm học tập, phù hợp với nghiên cứu của Maini A và cộng sự (2020) về giá trị của giảng viên trong đào tạo huấn luyện viên sức khỏe [6], cũng như mô hình lý thuyết nhấn mạnh phẩm chất nội tại và năng lực giảng dạy là yếu tố cốt lõi cho sự thành công của huấn luyện viên [5].

Ngược lại, nhóm “chương trình đào tạo” có điểm trung bình thấp hơn (3,65-3,88 điểm). Một số tiêu chí như “cập nhật nội dung” và “tỷ lệ phân bổ giữa lý thuyết và thực hành” được đánh giá chưa cao, phản ánh yêu cầu ngày càng khắt khe của học viên đối với các chương trình ngắn hạn có tính thực tiễn. Điều này tương đồng với các nghiên cứu trước, khi người học mong đợi nội dung đào tạo được đổi mới thường xuyên, phù hợp với nhu cầu xã hội và định hướng nghề nghiệp [8]. Bên cạnh đó, đổi mới phương pháp giảng dạy như mô hình lớp học đảo ngược đã chứng minh tính hiệu quả trong huấn luyện kỹ năng phỏng vấn tạo động lực [6], gợi ý hướng cải tiến phù hợp cho chương trình.

Nhóm “quy trình hỗ trợ” cũng đạt điểm khá (3,65-

4,00 điểm), đặc biệt là sự phối hợp giữa Trường Cao đẳng Dược Trung ương Hải Dương và Công ty Cổ phần Học viện Health Coach Việt Nam. Tuy nhiên, hai tiêu chí có tỷ lệ “phân vân” cao là “hỗ trợ sau tốt nghiệp” và “công cụ học tập trực tuyến”. Điều này trùng khớp với kết quả từ nghiên cứu quốc tế, trong đó thiếu hỗ trợ sau đào tạo được coi là rào cản lớn trong việc áp dụng kiến thức vào thực hành [4]. Đồng thời, chất lượng học tập trực tuyến, bao gồm tính linh hoạt, tương tác và hỗ trợ kỹ thuật, cũng được khẳng định là yếu tố then chốt ảnh hưởng đến sự hài lòng của người học [10].

Về tình hình hành nghề sau tốt nghiệp, có 58,3% học viên đang làm nghề huấn luyện viên sức khỏe, nhưng phần lớn là bán thời gian, dẫn đến thu nhập còn hạn chế. Thực tế này phản ánh tính mới mẻ của nghề tại Việt Nam. Trong khi đó, các nghiên cứu gần đây về đào tạo trực tuyến cho huấn luyện viên phòng ngừa đái tháo đường cho thấy mức độ hài lòng cao (4,58/5 điểm) và tính khả thi nghề nghiệp nếu có sự đầu tư lâu dài và toàn thời gian [7]. Bên cạnh đó, mô hình dự báo sự hài lòng trong giáo dục y tế cũng nhấn mạnh sự cần thiết của việc nâng cao chất lượng chương trình để tối đa hóa hiệu quả nghề nghiệp [9].

Như vậy, chương trình đã khẳng định được những thành công ban đầu, đặc biệt về chất lượng giảng viên và khả năng áp dụng thực tiễn. Tuy nhiên, để nâng cao hơn nữa sự hài lòng và phát triển bền vững, cần chú trọng: (1) thường xuyên cập nhật nội dung; (2) đa dạng hóa các chuyên đề chuyên sâu; (3) tăng cường hỗ trợ sau tốt nghiệp; (4) cải thiện nền tảng học trực tuyến.

5. KẾT LUẬN

Học viên nhìn chung hài lòng với Chương trình đào tạo cấp chứng chỉ huấn luyện viên sức khỏe, đặc biệt về chất lượng giảng viên và khả năng áp dụng thực tiễn. Một số nội dung cần cải thiện gồm hỗ trợ sau tốt nghiệp, cập nhật tài liệu và đa dạng hóa chuyên đề đào tạo.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Bộ Y tế. Chiến lược quốc gia bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045, Hà Nội, 2020.
- [2] Çakmakkaya Ö.S, Meydanlı E.G, Kafadar A.M, Aydın A, Öztürk M, Yılmaz S et al. Factors affecting medical students' satisfaction with online learning: a regression analysis of a survey. BMC Med Educ, 2024, 24: 11.
- [3] Nguyễn Thanh Bình. Dịch tễ Dược học. Nhà xuất bản Y học, Hà Nội, 2014.
- [4] McGlynn A, O'Callaghan C, McDougall B, Osborne J, Harris-Roxas B. Translating health coaching training into clinical practice. Int J Environ Res Public Health, 2022, 19 (23): 16075.
- [5] Madrigal L.H, Manders O.C, Kadir M, Piper S.A, Weber M.B, Blais L.M. What makes a quality lifestyle coach? A theoretical model based on the real-world context of delivering the National Diabetes Prevention Program. Healthcare (Basel), 2025, 13 (2): 126.
- [6] Maini A, Fyfe M, Kumar S. Medical students as health coaches: adding value for patients and students. BMC Med Educ, 2020, 20: 182.
- [7] Cranston K.D, Grieve N.J, Reitsma R, Jung M.E. Effectiveness of brief e-learning training for Diabetes Prevention Program coaches: outcome evaluation. JMIR Preprints, 2024 Apr 30: 60072.
- [8] Weiler R.M, Pigg R.M Jr. An evaluation of client satisfaction with training programs and technical assistance provided by Florida's Coordinated School Health Program Office. J Sch Health, 2000, 70 (3): 71-75.
- [9] Robins L.S, Gruppen L.D, Alexander G.L, Fantone J.C, Davis W.K. A predictive model of student satisfaction with the medical school learning environment. Acad Med, 1997, 72 (2): 134-139.
- [10] Elshami W, Taha M.H, Abuzaid M, Saravanan C, Al Kawas S, Abdalla M.E. Satisfaction with online learning in the new normal: perspective of students and faculty at medical and health sciences colleges. Med Educ Online, 2021, 26 (1): 1920090.